

Số: /2023/QĐ-UBND Hải Dương, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về xây dựng
văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ
Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề
nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản
quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về
xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân
tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và
thay thế Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2017 của
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về xây dựng, ban hành, kiểm tra và
xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân
tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công nghệ thông tin;
- Lưu VT, NC-KSTTHC.Th (10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Triệu Thế Hùng

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định một số nội dung về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh (do Ủy ban nhân dân tỉnh trình), văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm:

a) Đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Xây dựng văn bản quy định chi tiết văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định tại Khoản 1 Điều 27, Khoản 1 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 (*viết tắt là “Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật”*);

c) Xây dựng nghị quyết quy định biện pháp đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

d) Lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

đ) Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội.

e) Quy định thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Những nội dung không quy định trong Quyết định này được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh; Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (*sau đây viết tắt là “sở, ban, ngành”*).

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*viết tắt là “Ủy ban nhân dân cấp huyện”*).

3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đối với nghị quyết:

a) Các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Trường hợp trong thực tiễn công tác quản lý nhà nước phát sinh những vấn đề cần thiết phải ban hành nghị quyết để quy định các biện pháp bảo đảm thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội trên địa bàn; Các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đánh giá cụ thể các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn trước khi tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết.

c) Đối với lập đề nghị xây dựng nghị quyết quy định biện pháp đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện theo Khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

2. Đối với quyết định:

a) Đề nghị xây dựng quyết định quy phạm pháp luật được thực hiện trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Tùy theo tình hình thực tiễn của tỉnh, các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị xây dựng quyết định khi cần thiết phải ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương.

3. Đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở kết quả công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, công tác theo dõi thi hành pháp luật:

a) Thông qua công tác giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp có trách nhiệm lập danh mục văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

b) Hằng năm, các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ động rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của mình, lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới và đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

c) Trên cơ sở tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý, các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, đánh giá các quy định của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Trường hợp cần thiết sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thì đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

4. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 27, Khoản 1 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định này mà không phải thực hiện đề nghị (hoặc lập đề nghị) xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Điều 4. Xây dựng văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên

1. Đối với văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, trên cơ sở Thông báo của Bộ Tư pháp về danh mục các nội dung giao cho địa phương quy định chi tiết.

a) Sở Tư pháp có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết theo các danh mục đã được phê duyệt nêu trên.

b) Các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với Sở Tư pháp lập Danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

2. Đối với văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ:

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan chủ trì soạn thảo, tham mưu xây dựng văn bản quy định chi tiết.

b) Các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

- Thông qua công tác theo dõi thi hành pháp luật, chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết nếu được giao chủ trì soạn thảo.

- Chủ động thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, tham mưu ban hành văn bản theo Khoản 3 Điều 3 Quyết định này trong trường hợp chưa nhận được danh mục giao cho địa phương quy định chi tiết.

3. Chế độ báo cáo:

Hằng năm, các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết nếu được giao chủ trì soạn thảo gửi về Sở Tư pháp.

Điều 5. Xây dựng nghị quyết theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh khi có văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định chủ trương thực hiện các cơ chế đặc thù và các chính sách lớn về kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan được giao soạn thảo dự thảo nghị quyết có trách nhiệm lập đề nghị xây dựng nghị quyết về chính sách đặc thù theo các quy định từ Điều 112 đến Điều 116 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét thông qua.

3. Sau khi có Quyết định thông qua chính sách trong lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận, cơ quan được giao chủ trì soạn thảo nghị quyết thực hiện việc xây dựng dự thảo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết theo các quy định từ Điều 118 đến Điều 123 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 6. Lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh phải được lấy ý kiến của Sở Tư pháp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh được đăng tải toàn văn trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Sau khi hết thời hạn này thì cơ quan soạn thảo tổng hợp ý kiến góp ý, tiếp thu, giải trình.

3. Tùy thuộc vào điều kiện thực tiễn, việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức như tổ chức đọc lập hoặc lồng ghép qua hội nghị, hội thảo, tọa đàm; góp ý trực tiếp hoặc gửi ý kiến tới cơ quan soạn thảo; thông qua phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội.

4. Đối với các văn bản có phạm vi điều chỉnh rộng, tác động đến nhiều đối tượng hoặc điều chỉnh những vấn đề nhạy cảm, những vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc có nhiều ý kiến khác nhau thì cơ quan soạn thảo chủ trì, phối hợp cùng Sở Tư pháp tiến hành xin ý kiến các bộ, ngành trung ương, các chuyên gia, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nội dung, hình thức xin ý kiến do thủ trưởng cơ quan soạn thảo hoặc tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh quyết định.

Điều 7. Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật phải thực hiện truyền thông đối với các dự thảo có chính sách đạt đủ 04 tiêu chí sau:

a) Là các chính sách được ban hành trong nghị quyết thuộc trường hợp xây dựng, ban hành theo Điều 5 Quyết định này, trừ các nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Tác động trực tiếp làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

c) Được xác định là những vấn đề khó, nhạy cảm, dư luận xã hội quan tâm hoặc có nhiều ý kiến khác nhau về nội dung dự thảo chính sách.

d) Chính sách có tác động trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Nội dung truyền thông dự thảo chính sách gồm các vấn đề chủ yếu sau đây:

a) Sự cần thiết ban hành chính sách; mục đích, quan điểm xây dựng chính sách; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của chính sách;

b) Nội dung cơ bản của chính sách;

c) Nội dung mới hoặc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ so với quy định hiện hành về quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của người dân, tổ chức, doanh nghiệp; chú trọng các vấn đề khó, có nhiều ý kiến khác nhau;

d) Các nội dung khác cần thông tin rộng rãi đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp và toàn xã hội (nếu có).

3. Cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật lựa chọn hoặc kết hợp các hình thức truyền thông chính sách sau đây:

a) Truyền thông về dự thảo chính sách trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Xây dựng, đăng tải tài liệu truyền thông phù hợp với từng đối tượng, địa bàn để cung cấp thông tin dự thảo chính sách cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

c) Tổ chức các hội nghị, tọa đàm, diễn đàn, phòng vấn, đối thoại trực tiếp, trực tuyến, họp báo để trao đổi, thông tin về dự thảo chính sách tới các cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp.

d) Tổ chức truyền thông dự thảo chính sách tại địa bàn thông qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở, niêm yết tại bảng tin, màn hình tại khu dân cư, lồng ghép trong các loại hình văn hóa cơ sở và các hình thức phù hợp khác.

đ) Đăng tải thông tin nội dung dự thảo chính sách Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của ngành, địa phương.

e) Tổ chức truyền thông thông qua các ứng dụng mạng xã hội và hình thức truyền thông phù hợp khác.

4. Thời điểm thực hiện truyền thông chính sách bắt đầu từ thời điểm được giao chủ trì soạn thảo chính sách.

Điều 8. Quy định thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thủ tục hành chính trong các trường hợp sau:

a) Được luật, nghị quyết của Quốc hội giao;

b) Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 và không được làm phát sinh thủ tục hành chính mới hoặc quy định thêm thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện, tăng thời gian giải quyết thủ tục hành chính đang áp dụng

c) Trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 5 Quyết định này.

2. Khi xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan soạn thảo chủ động rà soát, nếu phát hiện có thủ tục hành chính không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì phải loại bỏ.

3. Việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tại khoản 1 Điều này thực hiện theo các quy định của Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được Sở Tư pháp thẩm định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện các thủ tục trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

2. Kinh phí cho hoạt động xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn thực hiện, bảo đảm kinh phí cho hoạt động xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh khi ban hành.

4. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp cùng Sở Tư pháp thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp./.